



CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY **ĐẠI LONG**



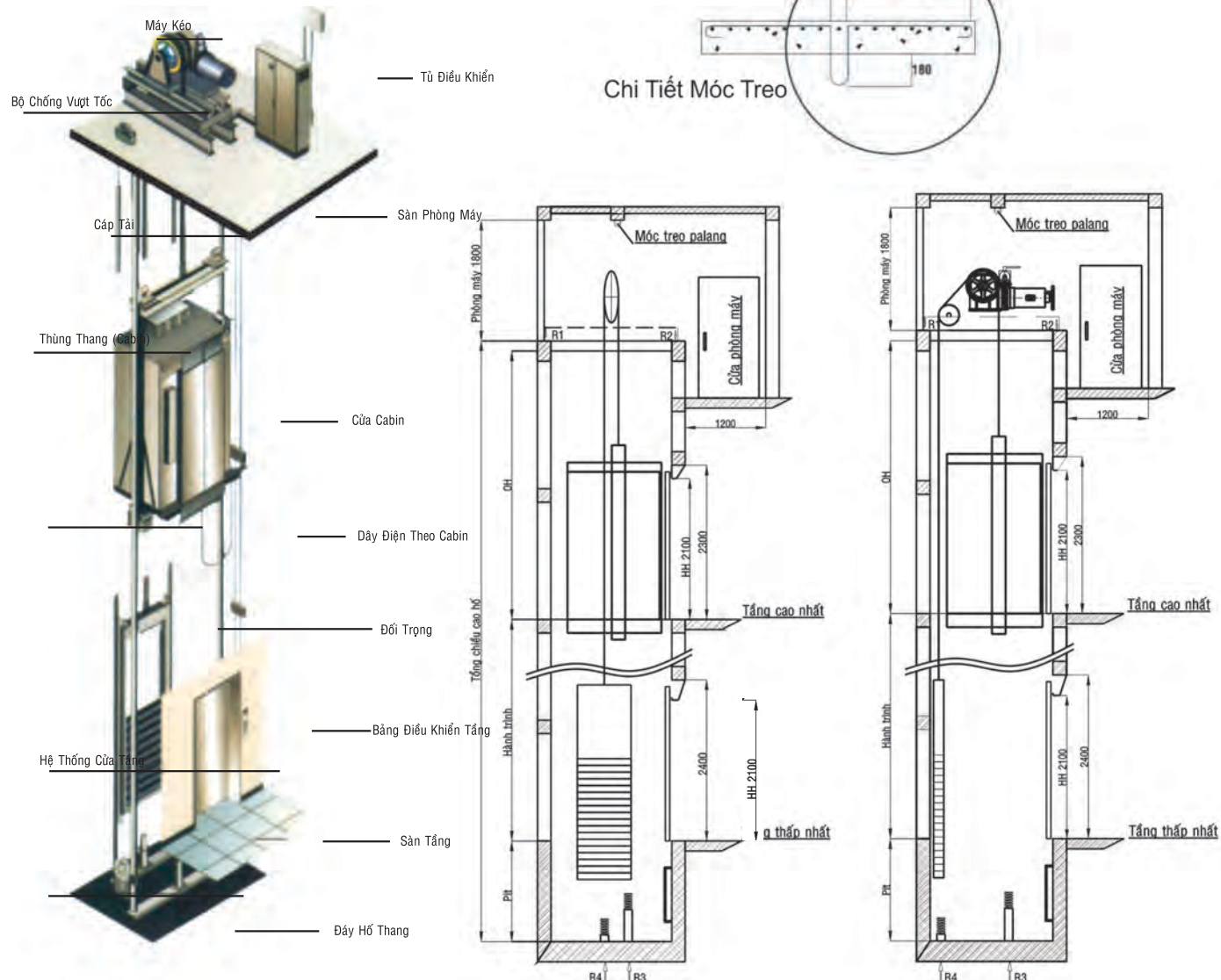
**CHẤT LƯỢNG - UY TÍN - HIỆU QUẢ - KINH TẾ
CHO CÁC CÔNG TRÌNH CAO TẦNG**

DAI LONG ELEVATOR CORPORATION Co., Ltd

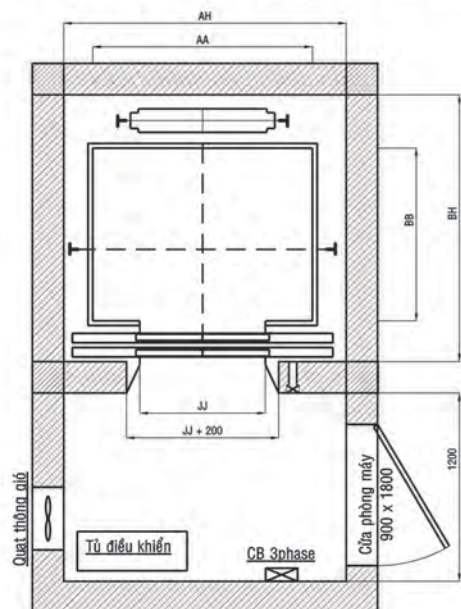
Địa chỉ : 08 Đinh Đạt, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Văn Phòng : Lô 01. B2-24 Khu đô thị FPT, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Văn Phòng : 34 Ngô Quyền, P. Hương Huân, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa
Điện Thoại : **0236.730.5959 - 0905.72.77.42**
Email : dailongelevator@gmail.com
Website : dailongelevator.com.vn

HỆ THỐNG THANG TẢI KHÁCH LOẠI CÓ PHÒNG MÁY

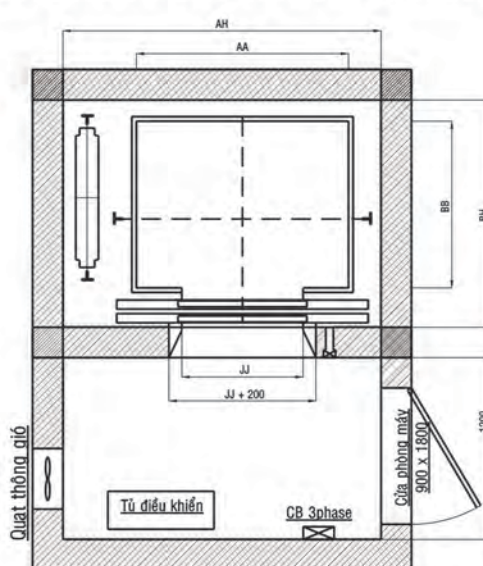
SƠ ĐỒ THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG PHÍA SAU



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG BÊN HÔNG



BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY

ĐỐI TRỌNG ĐẶT PHÍA SAU

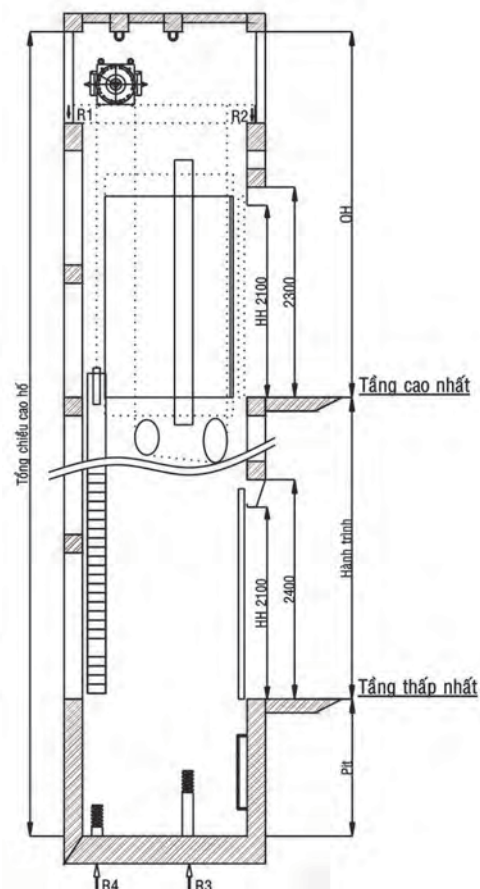
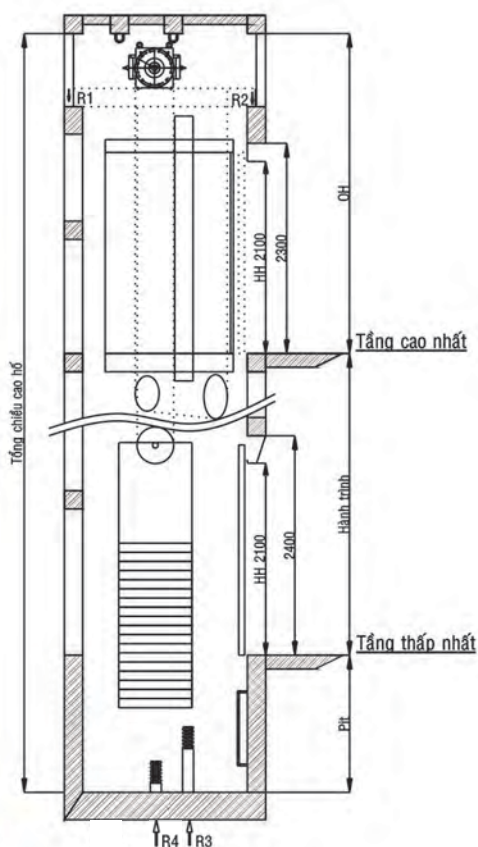
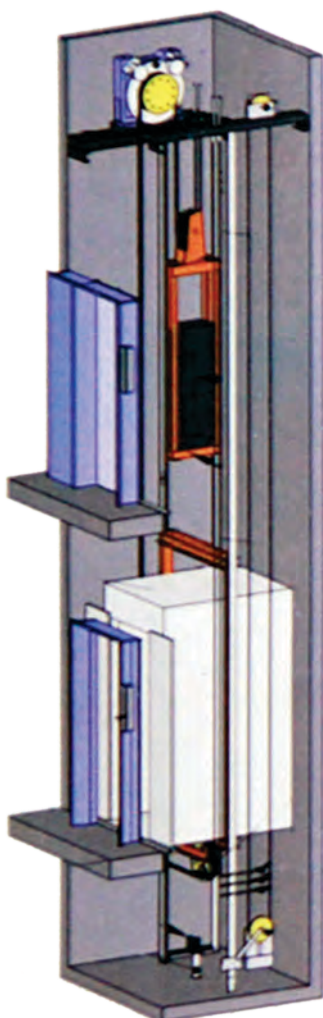
Mã hiệu	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Cửa mở Rộng x Cao (JJ x H)	Cabin Rộng x sâu (AA x BB)	Hố thang		
	Kg	Người				Rộng x Sâu (AH x BH)	Chiều cao OH	Chiều sâu PIT
P4	300	4	60	700x2100	1100x900	1500x1500	4000	1400
			90		1100x1000	1500x1600	4200	1500
P6	450	6	60	700x2100	1200x1000	1600x1500	4000	1400
				750x2100	1300x1000	1700x1600		
			90	800x2100	1400x900	1800x1500	4200	1500
					1400x1000	1800x1600		
P8	600	8	60	800x2100	1400x1100	1800x1700	4200	1500
			90	850x2100	1400x1200	1800x1800	4500	1600
				900x2100	1400x1300	1900x1900		
P10	750	10	60	800x2100	1400x1100	1800x1700	4200	1500
			90	850x2100	1400x1200	1800x1800	4500	1600
				900x2100	1400x1350	1900x2000		
P15	1000	15	60	900x2100	1600x1500	2000x2100	4200	1500
			90	950x2100	1700x1600	2100x2200	4500	1600
				1000x2100	1800x1700	2200x2400		
P20	1500	20	60	1000x2100	1800x1800	2300x2500	4300	1600
			90	1100x2100	1900x1900	2400x2600	4500	1600
				1200x2100	2000x2000	2500x2700		

ĐỐI TRỌNG ĐẶT BÊN HÔNG

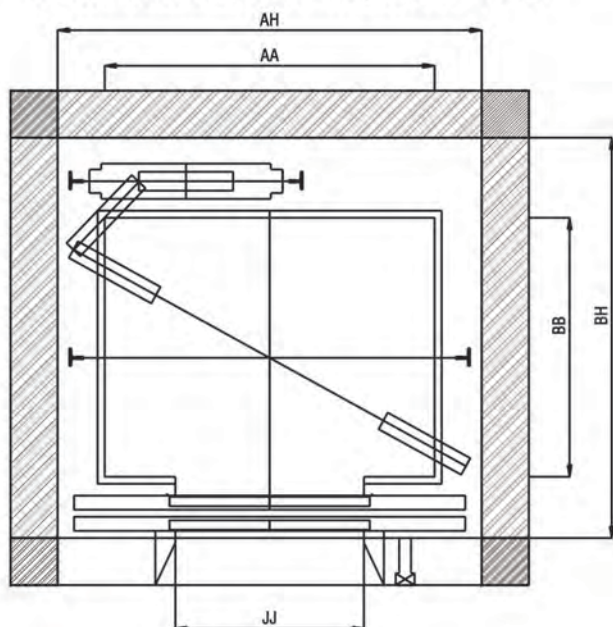
Mã hiệu	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Cửa mở Rộng x Cao (JJ x H)	Cabin Rộng x sâu (AA x BB)	Hố thang		
	Kg	Người				Rộng x Sâu (AH x BH)	Chiều cao OH	Chiều sâu PIT
P4	300	4	60	700x2100	1100x900	1800x1250	4000	1400
			90		1100x1000	1800x1350	4200	1500
P6	450	6	60	700x2100	1200x1000	1900x1350	4000	1400
				750x2100	1300x1000	2000x1350		
			90	800x2100	1400x900	2100x1350	4200	1500
					1400x1000	2100x1450		
P8	600	8	60	800x2100	1400x1100	2100x1450	4200	1500
			90	850x2100	1400x1200	2100x1550	4500	1600
				900x2100	1400x1300	2100x1650		
P10	750	10	60	800x2100	1400x1100	2100x1450	4200	1500
			90	850x2100	1400x1200	2100x1550	4500	1600
				900x2100	1400x1300	2100x1650		
P15	1000	15	60	900x2100	1600x1500	2400x1850	4200	1500
			90	950x2100	1700x1600	2500x1950	4500	1600
				1000x2100	1800x1700	2600x2050		
P20	1500	20	60	1000x2100	1800x1800	2600x2200	4300	1600
			90	1100x2100	1900x1900	2700x2300	4500	1600
				1200x2100	2000x2000	2800x2400		

HỆ THỐNG THANG TẢI KHÁCH LOẠI KHÔNG CÓ PHÒNG MÁY

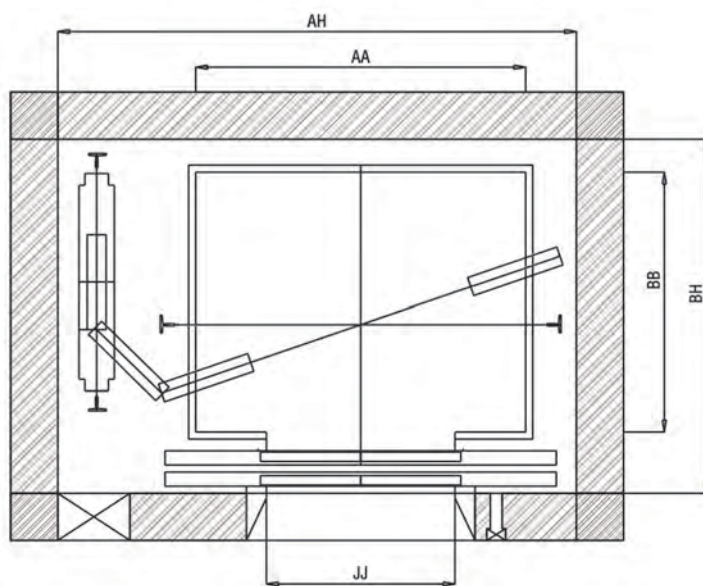
SƠ ĐỒ THANG TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG PHÍA SAU



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG BÊN HÔNG



BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY

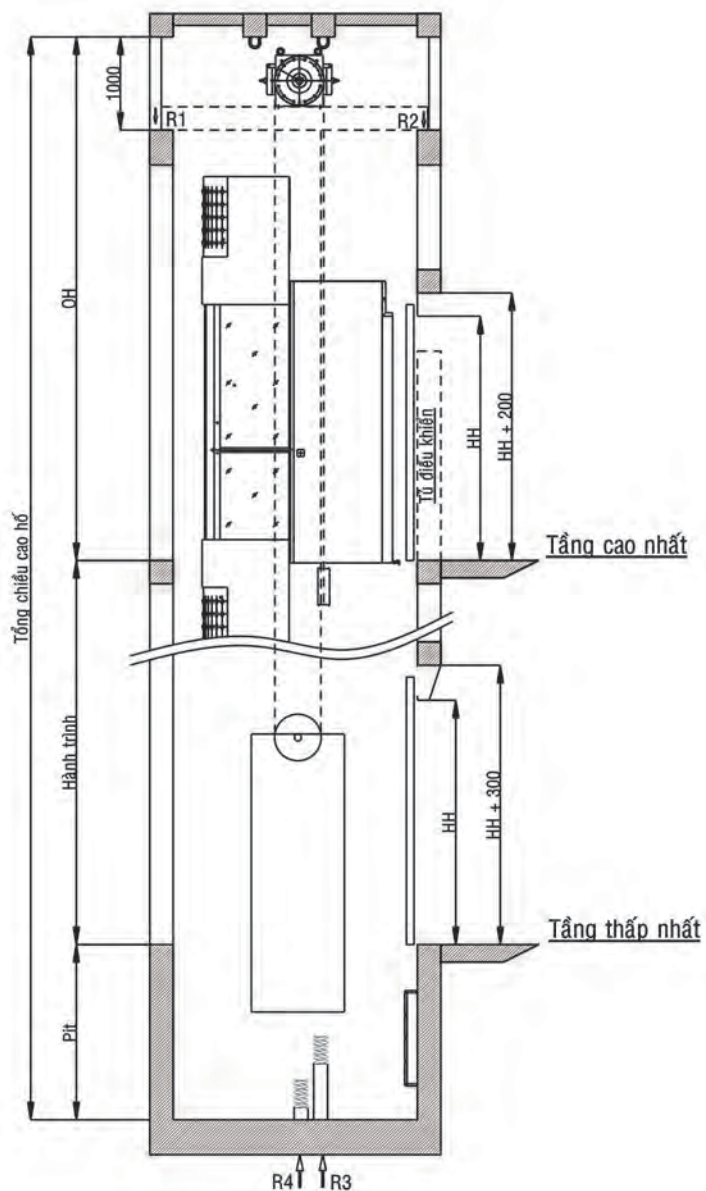
ĐỐI TRỌNG ĐẶT PHÍA SAU

Mã hiệu	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Cửa mở Rộng x Cao (JJ x H)	Cabin Rộng x sâu (AA x BB)	Hố thang		
	Kg	Người				Rộng x Sâu (AH x BH)	Chiều cao OH	Chiều sâu PIT
P4	300	4	60	700x2100	1100x900	1500x1500	3800	1400
			90		1100x1000	1500x1600	3900	1500
P6	450	6	60	700x2100	1200x1000	1600x1500	3800	1400
				750x2100	1300x1000	1700x1600		
			90	800x2100	1400x900	1800x1500	3900	1500
					1400x1000	1800x1600		
P8	600	8	60	800x2100	1400x1100	1800x1700	4000	1500
			90	850x2100	1400x1200	1800x1800	4200	1600
				900x2100	1400x1300	1900x1900		
P10	750	10	60	800x2100	1400x1100	1800x1700	4000	1500
			90	850x2100	1400x1200	1800x1800	4200	1600
				900x2100	1400x1350	1900x2000		
P15	1000	15	60	900x2100	1600x1500	2000x2100	4200	1500
			90	950x2100	1700x1600	2100x2200	4400	1600
				1000x2100	1800x1700	2200x2400		
P20	1500	20	60	1000x2100	1800x1800	2300x2500	4300	1600
			90	1100x2100	1900x1900	2400x2600	4500	1600
				1200x2100	2000x2000	2500x2700		

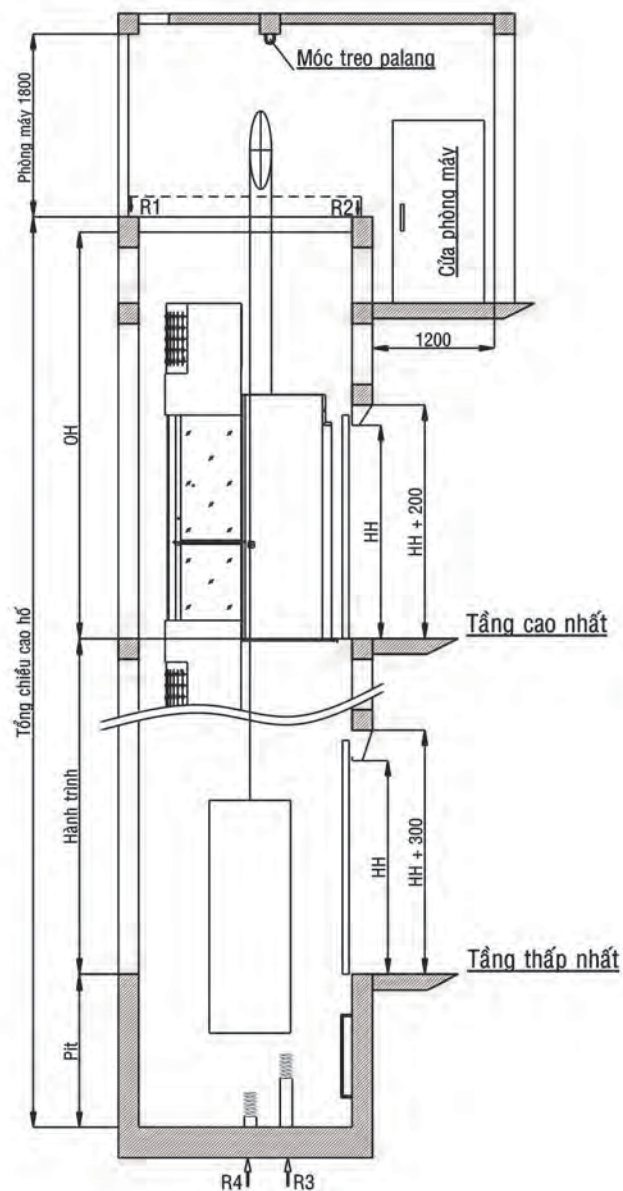
ĐỐI TRỌNG ĐẶT BÊN HÔNG

Mã hiệu	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Cửa mở Rộng x Cao (JJ x H)	Cabin Rộng x sâu (AA x BB)	Hố thang		
	Kg	Người				Rộng x Sâu (AH x BH)	Chiều cao OH	Chiều sâu PIT
P4	300	4	60	700x2100	1100x900	1800x1250	3500	1400
			90		1100x1000	1800x1350	3600	1500
P6	450	6	60	700x2100	1200x1000	1900x1350	3600	1400
				750x2100	1300x1000	2000x1350		
			90	800x2100	1400x900	2100x1250	3700	1500
					1400x1000	2100x1350		
P8	600	8	60	800x2100	1400x1100	2100x1450	3700	1500
			90	850x2100	1400x1200	2100x1550	3900	1600
				900x2100	1400x1300	2100x1650		
P10	750	10	60	800x2100	1400x1100	2100x1450	3700	1500
			90	850x2100	1400x1200	2100x1550	3900	1600
				900x2100	1400x1350	2200x1700		
P15	1000	15	60	900x2100	1600x1500	2400x1850	3900	1500
			90	950x2100	1700x1600	2500x1950	4100	1600
				1000x2100	1800x1700	2600x2050		
P20	1500	20	60	1000x2100	1800x1800	2600x2200	4100	1600
			90	1100x2100	1900x1900	2700x2300	4200	1600
				1200x2100	2000x2000	2800x2400		

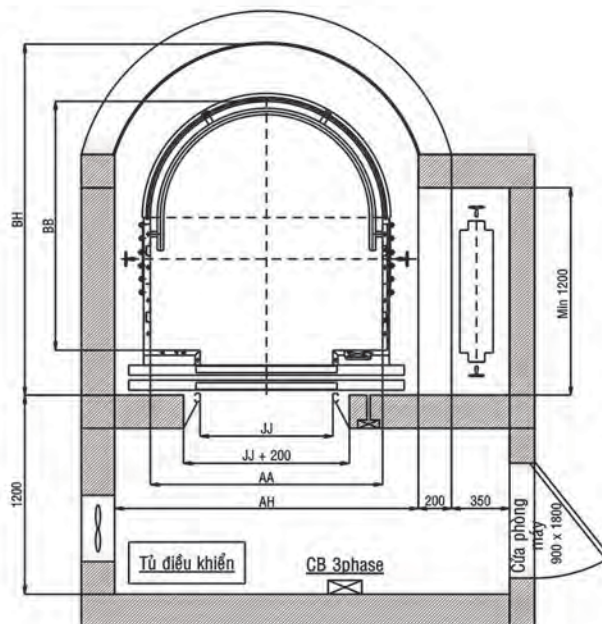
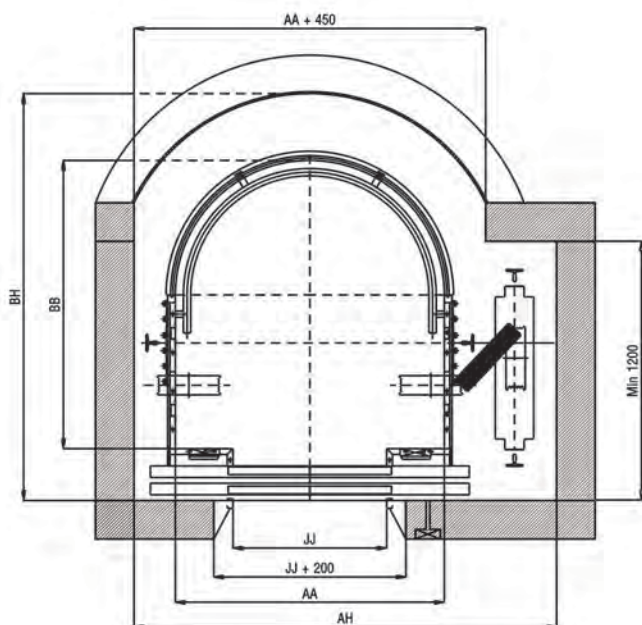
HỆ THỐNG THANG LỒNG KÍNH



Thang không phòng máy



Thang có phòng máy



THANG LỒNG KÍNH

Các Loại Thang Lồng Kính



DL - LK01



DL - LK02



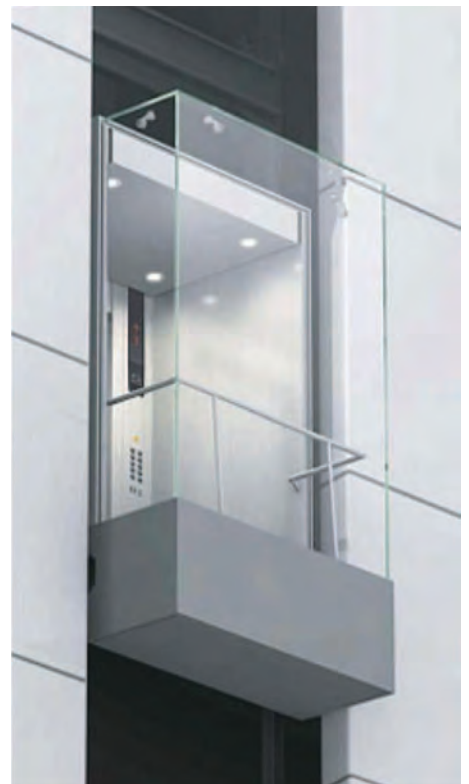
DL - LK03



DL - LK04



DL - LK05



DL - LK06

THANG LỒNG KÍNH



DL - LK07



DL - LK08



DL - LK09

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG LỒNG KÍNH CÓ PHÒNG MÁY

Mã HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
				Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hồ thang AH x BH	OH/Pit
P8	600	8	60	700 x 2100	1200 x 1200	1650 x 1600	4200/1500
			90				4400/1600
P10	750	10	60	800 x 2100	1400 x 1350	1850 x 2000	4200/1500
			90				4400/1600
P15	1000	15	60	800 x 2100	1400 x 1500	1850 x 2100	4200/1500
			90				4400/1600

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG LỒNG KÍNH KHÔNG PHÒNG MÁY

Mã HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
				Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hồ thang AH x BH	OH/Pit
P8	600	8	60	700 x 2100	1200 x 1200	2000 x 1800	4600/1500
			90				4800/1600
P10	750	10	60	800 x 2100	1400 x 1350	2200 x 2000	4600/1500
			90				4800/1600
P15	1000	15	60	800 x 2100	1400 x 1500	2200 x 2100	4600/1500
			90				4800/1600

THANG TẢI HÀNG



Thang tải hàng có người đi - 3000kg



Tải hàng có người đi - 3000kg



Các vách inox sọc nhẵn -
có gắn thanh chống va đập

THANG TẢI Ô TÔ



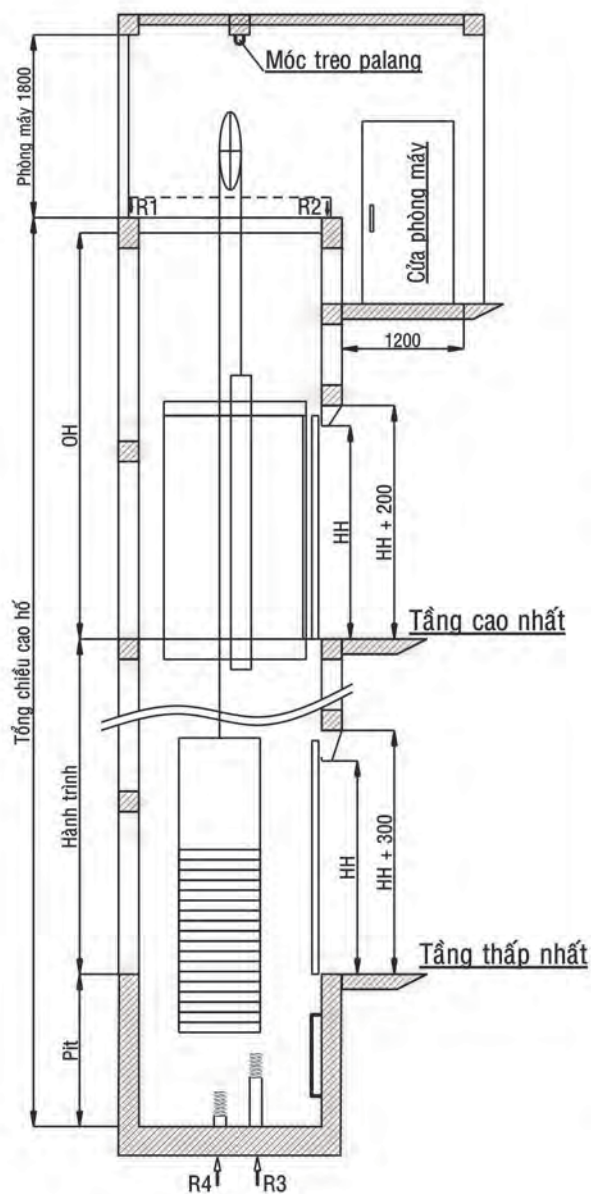
THANG TẢI THỰC PHẨM



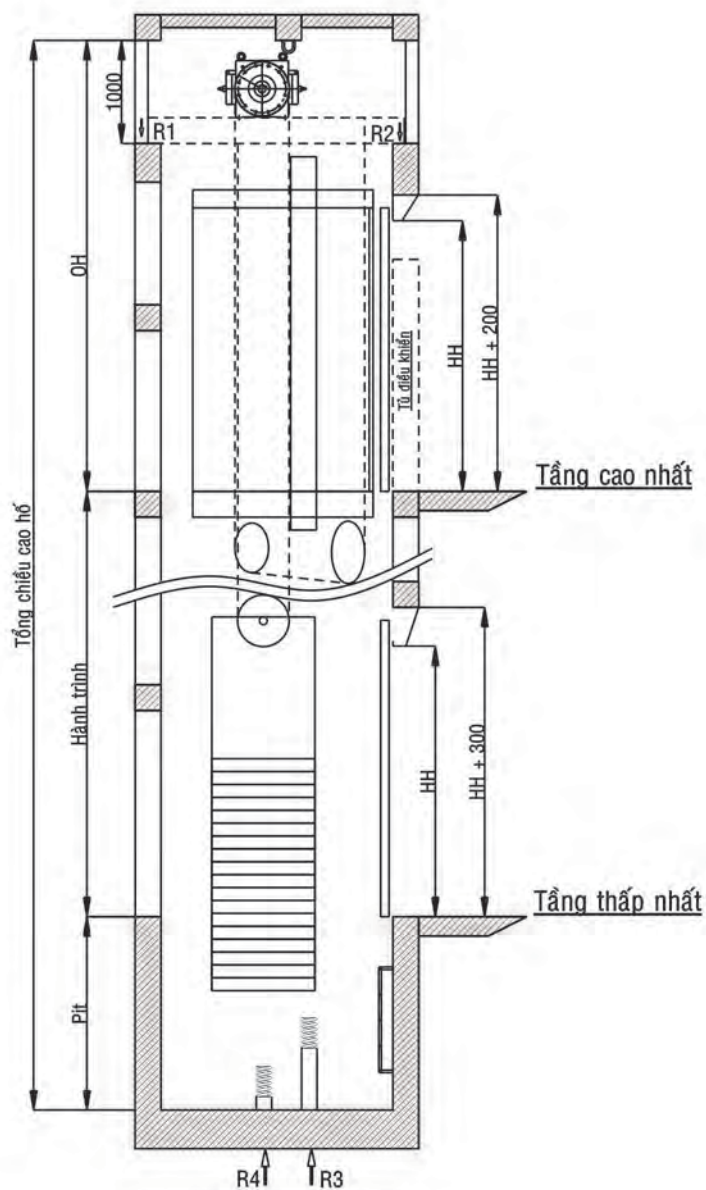
Thang máy tải Thực Phẩm BMCE là phù hợp nhất cho việc vận chuyển các đồ dùng của nhà bếp, các loại thức ăn, thức uống trong các Nhà Hàng, Khách Sạn, những vật dụng hàng hóa đơn giản trong các Siêu Thị, Trung Tâm Thương Mại, những vật dụng đơn giản như Hồ Sơ, Sách, Báo trong các Ngân Hàng, Thư Viện, Văn Phòng, v.v...



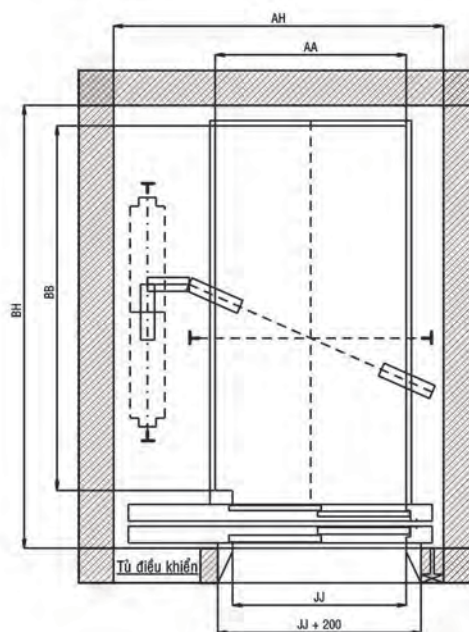
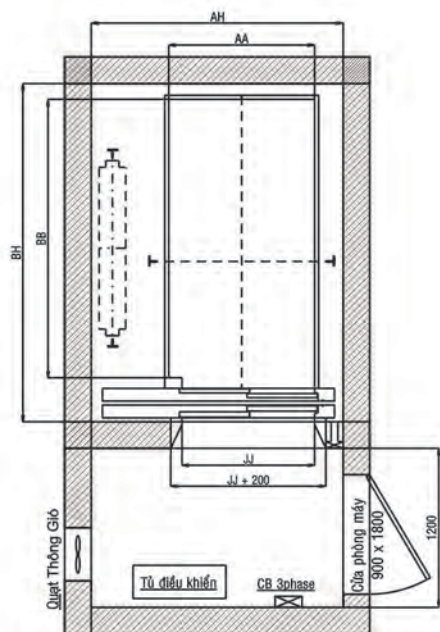
HỆ THỐNG THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH



Thang có phòng máy



Thang không phòng máy



THANG Y TẾ (TẢI BỆNH NHÂN VÀ GIƯỜNG BỆNH)



THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH



BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH CÓ PHÒNG MÁY

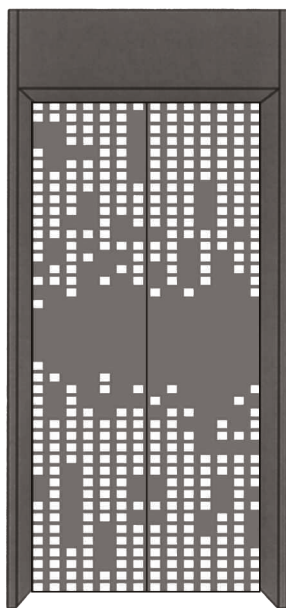
MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
			Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
B1000	1000	60	1000 x 2100	1100 x 2100	1900 x 2550	4200/1400
		90				4400/1500
B1350	1350	60	1100 x 2100	1300 x 2300	2100 x 2800	4200/1400
		90				4400/1500
B1500	1500	60	1200 x 2100	1400 x 2300	2200 x 2800	4200/1400
		90				4400/1500

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH KHÔNG PHÒNG MÁY

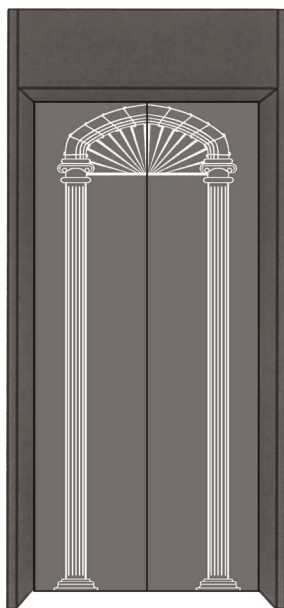
MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
			Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
B1000	1000	60	1000 x 2100	1100 x 2100	2000 x 2550	4200/1400
		90				4400/1500
B1350	1350	60	1100 x 2100	1300 x 2300	2200 x 2800	4200/1500
		90				4400/1500
B1500	1500	60	1200 x 2100	1400 x 2300	2300 x 2800	4200/1500
		90				4400/1500

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

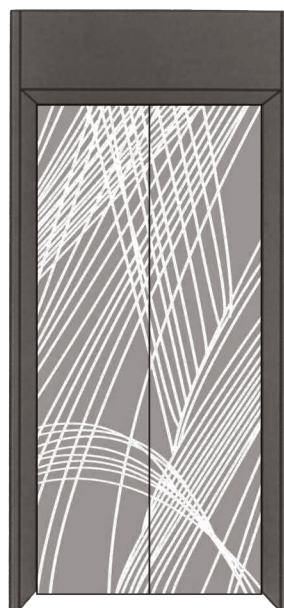
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



DL - 1A



DL - 1B



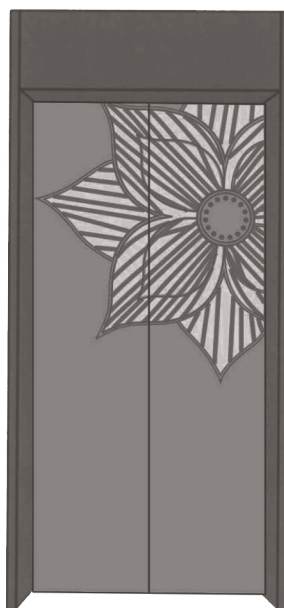
DL - 1C



DL - 1D



DL - 2A



DL - 2B



DL - 2C

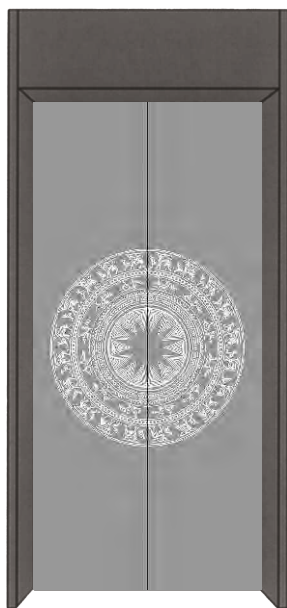


DL - 2D

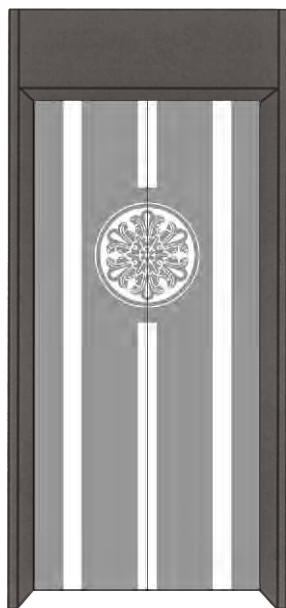
VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đó)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



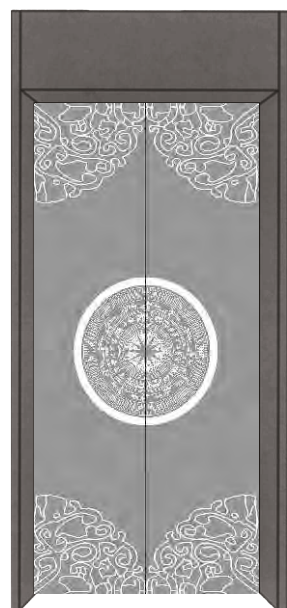
DL - 3A



DL - 3B



DL - 3C



DL - 3D



DL - 4A



DL - 4B



DL - 4C

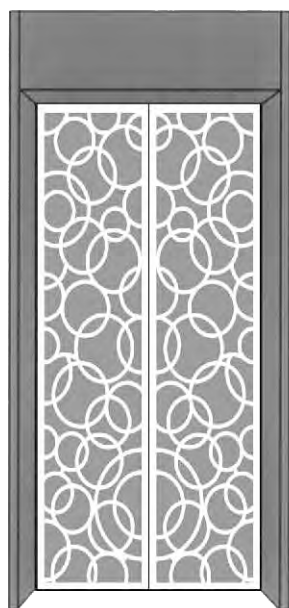


DL - 4D

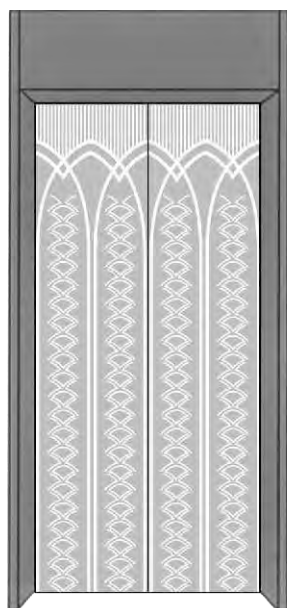
VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đó)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

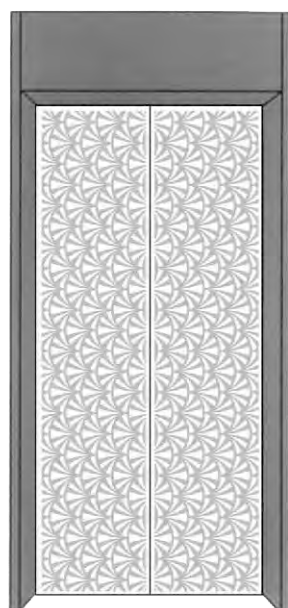
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



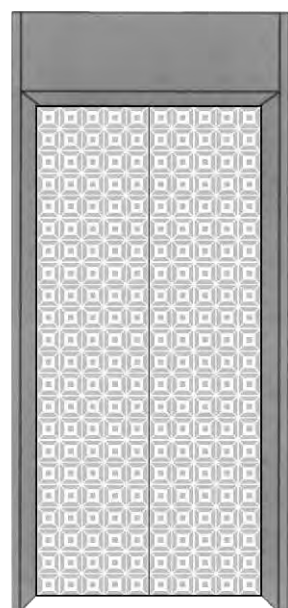
DL - 5A



DL - 5B



DL - 5C



DL - 5D



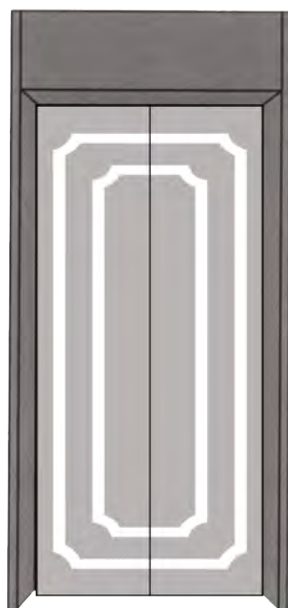
DL - 6A



DL - 6B



DL - 6C

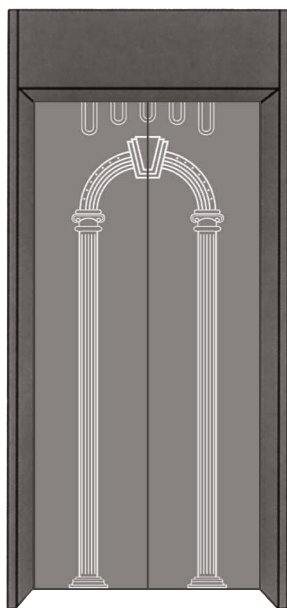


DL - 6D

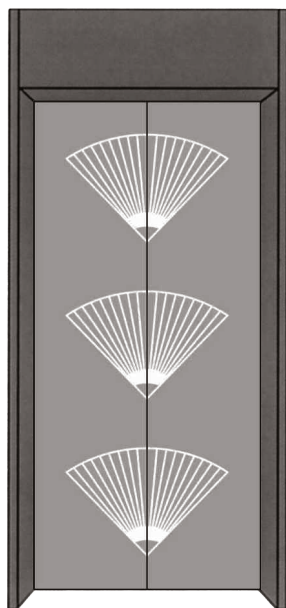
VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đó)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

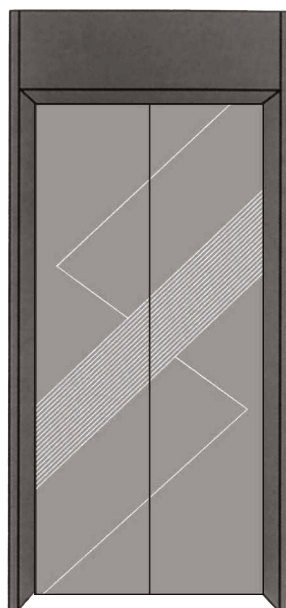
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



DL - 7A



DL - 7B



DL - 7C



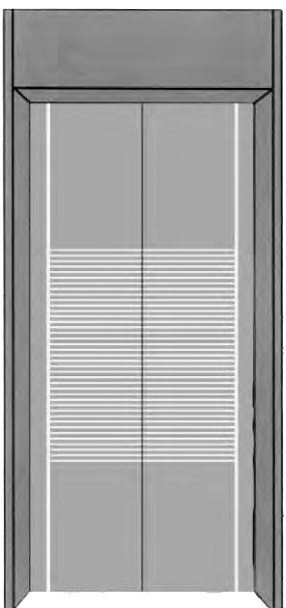
DL - 7D



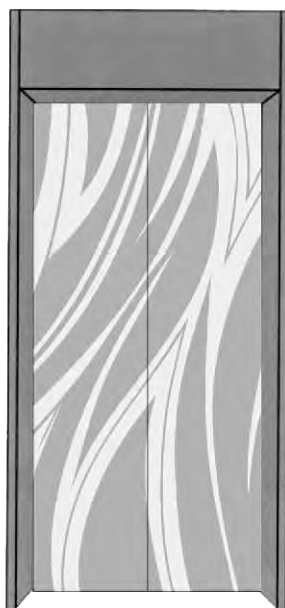
DL - 8A



DL - 8B



DL - 8C



DL - 8D

VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đỏ)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



DL - 9A



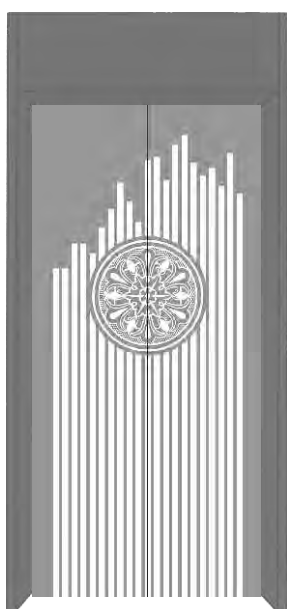
DL - 9B



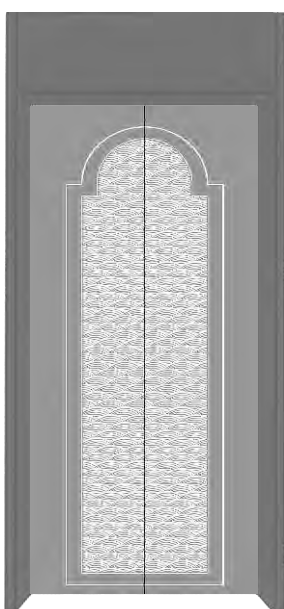
DL - 9C



DL - 9D



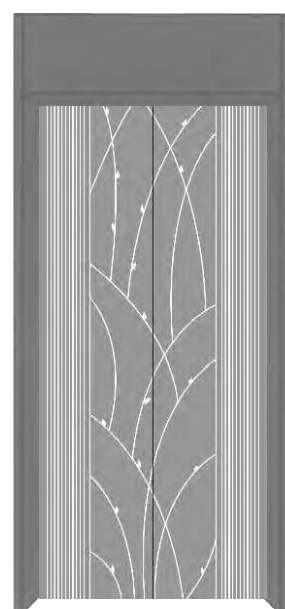
DL - 10A



DL - 10B



DL - 10C



DL - 10D

VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đó)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



DL - 11A



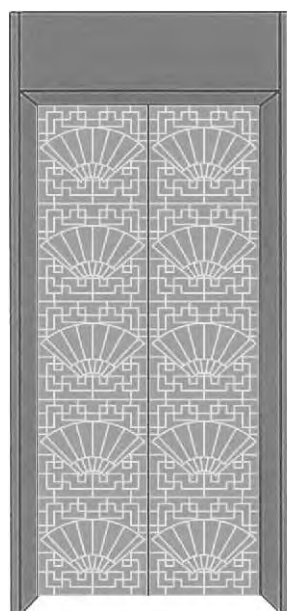
DL - 11B



DL - 11C



DL - 11D



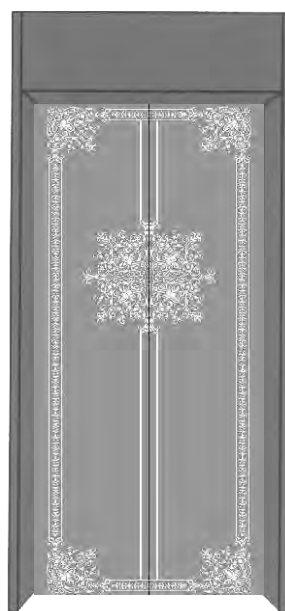
DL - 12A



DL - 12B



DL - 12C

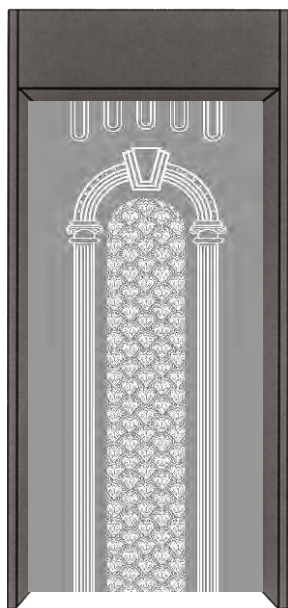


DL - 12D

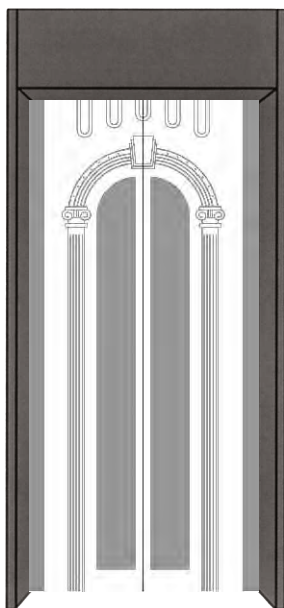
VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đỏ)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

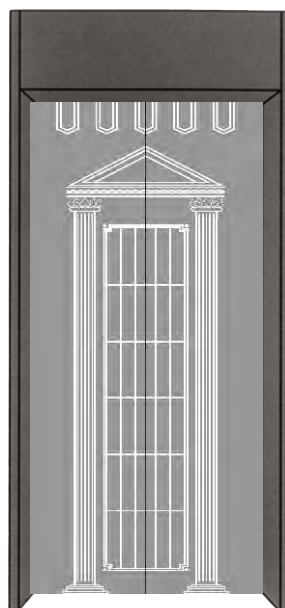
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TỰY CHỌN)



DL - 13A



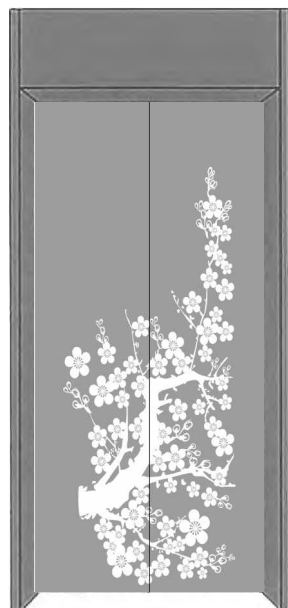
DL - 13B



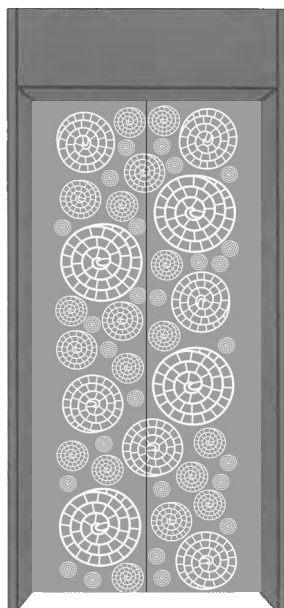
DL - 13C



DL - 13D



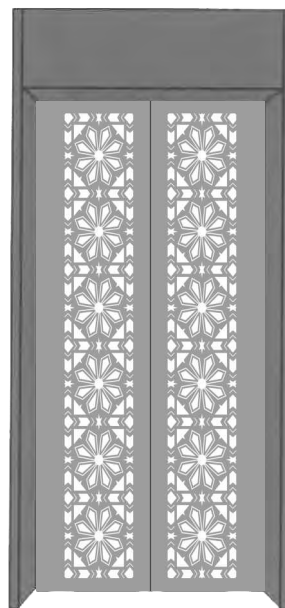
DL - 14A



DL - 14B



DL - 14C

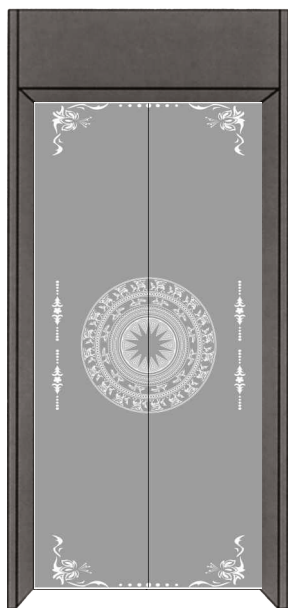


DL - 14D

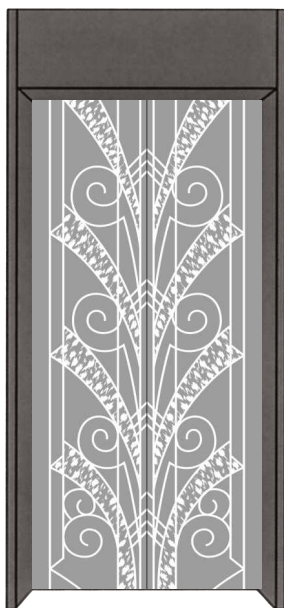
VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đó)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

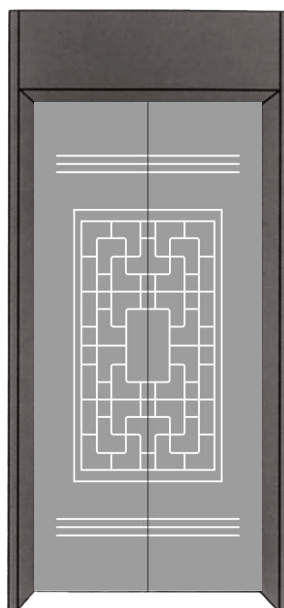
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TỰY CHỌN)



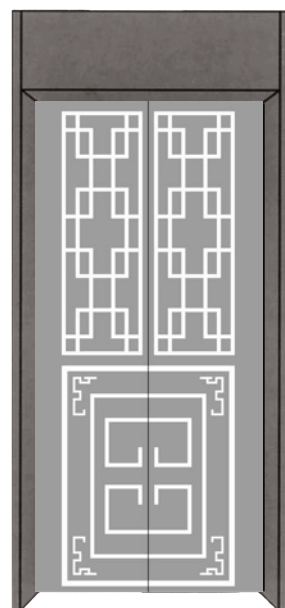
DL - 15A



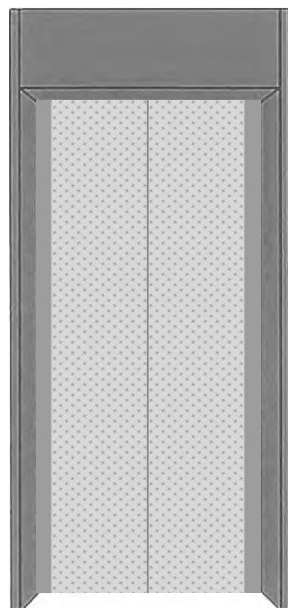
DL - 15B



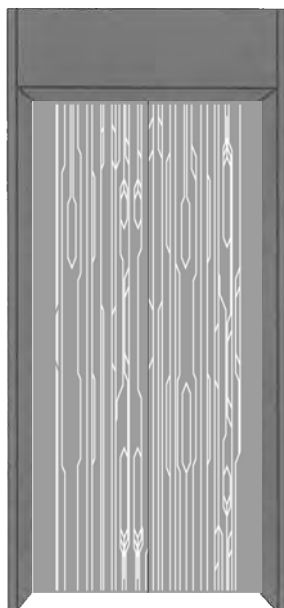
DL - 15C



DL - 15D



DL - 16A



DL - 16B

VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đó)

CÁC LOẠI CỬA TẦNG VÀ LOẠI VẬT LIỆU



Khung bản rộng vát 02 chiều
Cửa mở tim: inox gương trắng



Khung bản rộng vát 03 chiều
Cửa mở tim: inox gương vàng



Bản rộng vát 02 chiều tấm tráng cao
Cửa mở tim: inox gương đồng



Khung bản hẹp
Cửa mở tim: inox sọc trắng



Khung bản rộng vát 03 chiều
Cửa mở tim: inox sọc vàng



Khung bản rộng vát 03 chiều
Cửa mở tim: inox sọc đồng

CÁC LOẠI CỬA TẦNG



Cửa kính cường lực mở tim



Cửa lùa về 1 phía
inox gương ăn mòn hoa văn



Cửa lùa về 1 phía
kính cường lực

CÁC LOẠI CABIN (THANG TẢI KHÁCH)



Cabin: Toàn bộ inox sọc nhẵn
DL - CB01



Cabin: Tấm lớn ở giữa inox gương
xen inox sọc nhẵn hai bên
DL - CB02

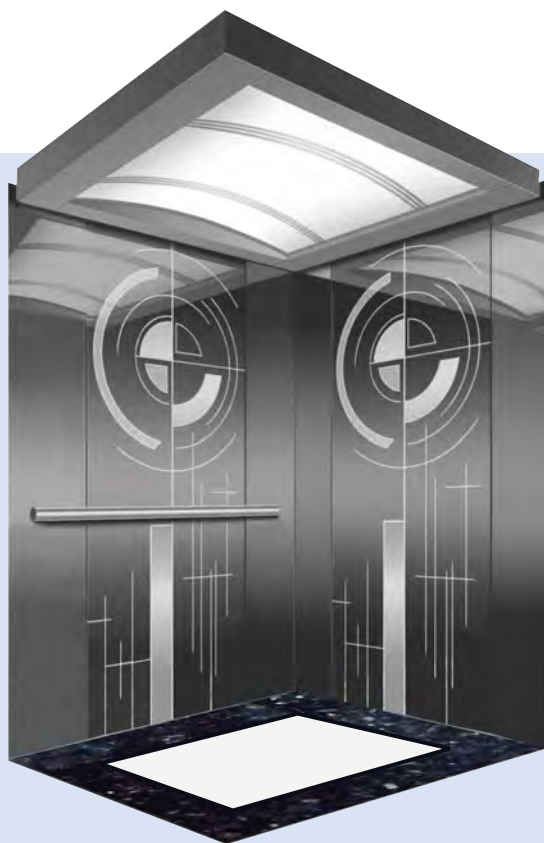


Cabin: Tấm lớn ở giữa inox gương hoa văn
xen inox gương hai bên
DL - CB03



Cabin: Tấm lớn ở giữa inox gương hoa văn
xen inox gương hai bên
DL - CB04

CÁC LOẠI CABIN (THANG TẢI KHÁCH)



DL - CB05



DL - CB06



DL - CB07



DL - CB08

CÁC LOẠI CABIN (THANG TẢI KHÁCH)



DL - CB09



DL - CB10

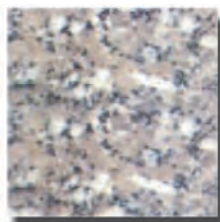


DL - CB11



DL - CB12

Sàn Cabin Đá Granite



Trắng Núi Le



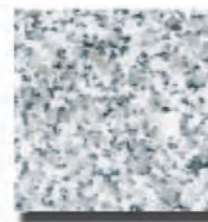
Vàng Bình Định



Đỏ Ấn Độ



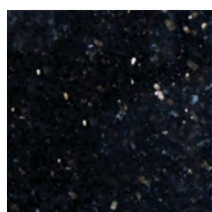
Đỏ Nhân Tạo



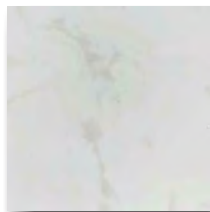
Trắng Bình Định



Vàng Bướm



Đen kim sa



Trắng Vân Mây



Xanh Ý



Đá ghép: Trắng sứ viền đen

Sàn Cabin Đá Hoa Văn



DL - GS001



DL - GS002



DL - GS003



DL - GS004



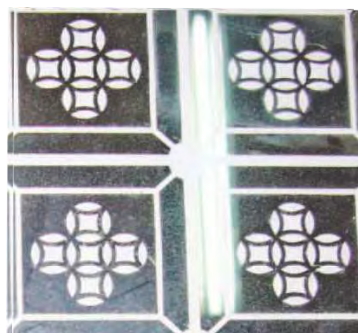
DL - GS005



DL - GS007

GHI CHÚ: Kiểu đá hoa văn có thể thay đổi một ít theo từng đợt nhập hàng

MẪU INOX HOA VĂN



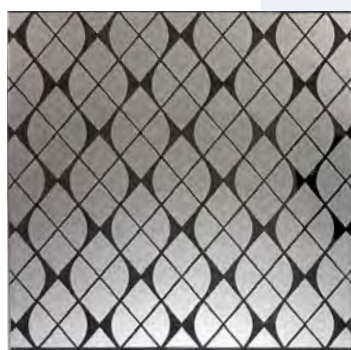
DL - CW001



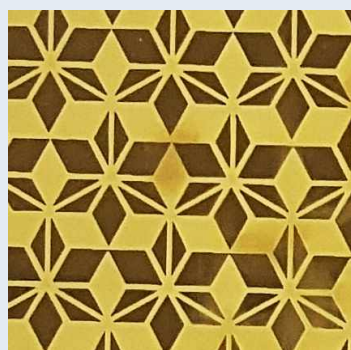
DL - CW002



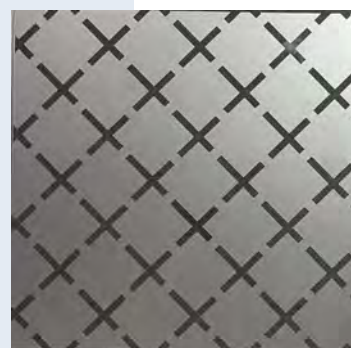
DL - CW003



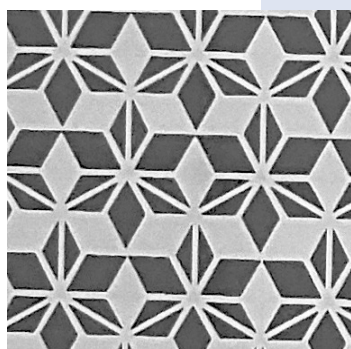
DL - CW004



DL - CWN005



DL - CW006



DL - CWN007



DL - CW008



DL - CWN009



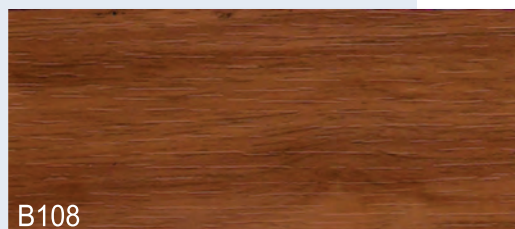
DL - CW010 DL - CWN011



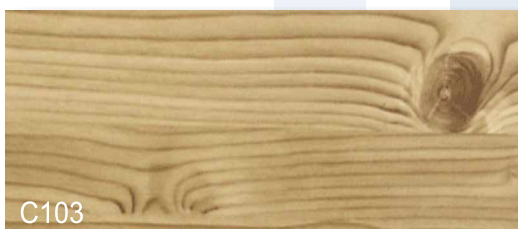
MẪU LAMINATE



B105



B108



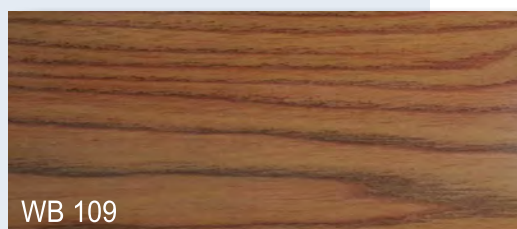
C103



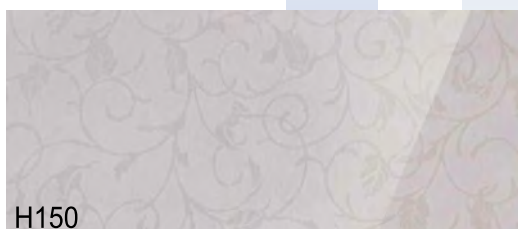
WB 108



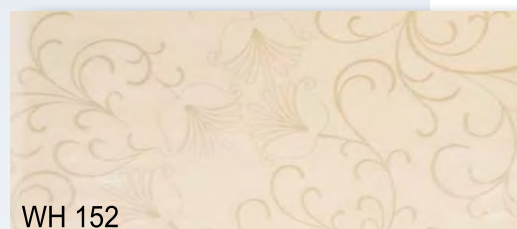
H154



WB 109



H150

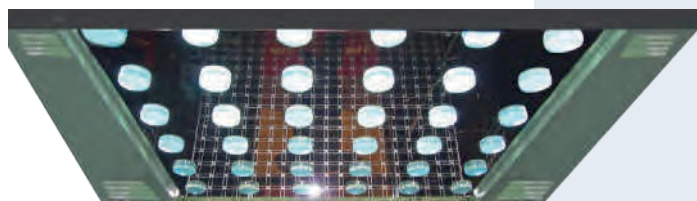


WH 152



H153

MẪU TRẦN GIẢ



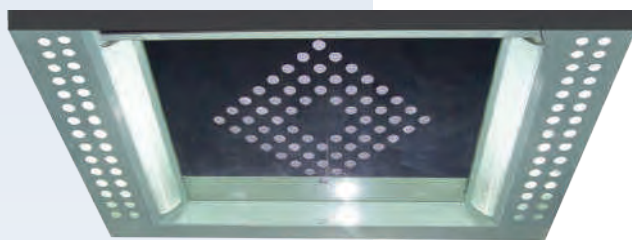
DL - TA001



DL - TA002



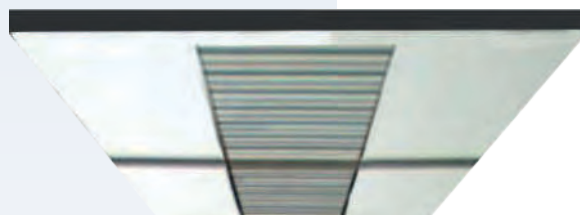
DL - TA003



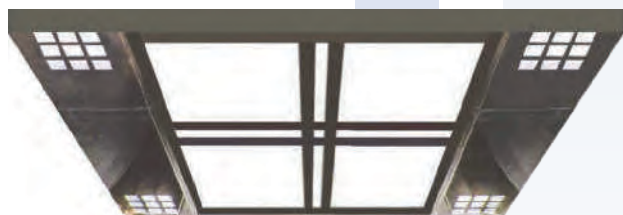
DL - TA004



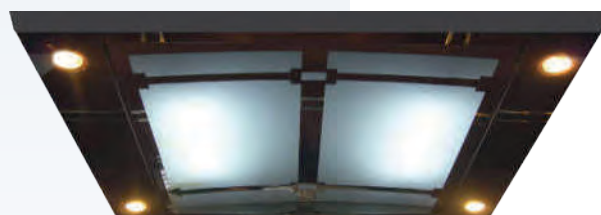
DL - TA005



DL - TA006



DL - PV001



DL - PV002



DL - PV003



DL - PV004

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

MẪU TRẦN GIẢ



DL - PV005



DL - PV006



DL - PV007



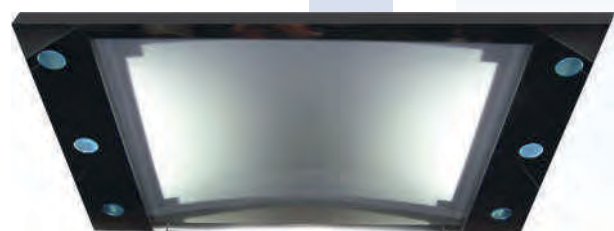
DL - PV008



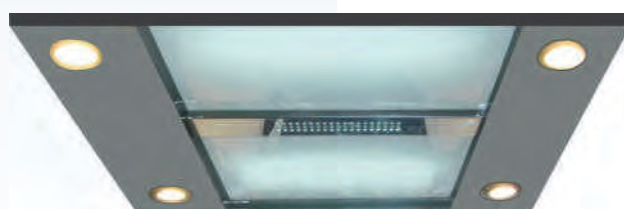
DL - PV009



DL - PV010



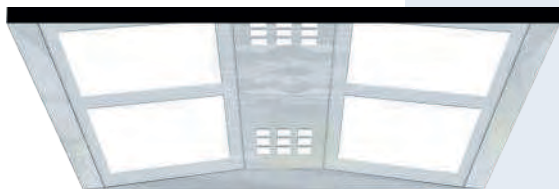
DL - PV011



DL - PV012

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

MẪU TRẦN GIẢ



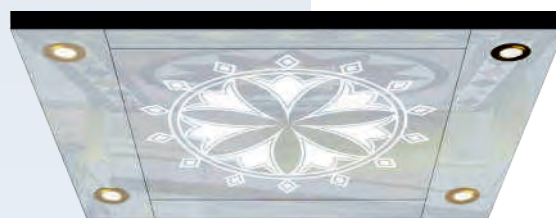
DL - PV013



DL - PV014



DL - PV015



DL - PV016



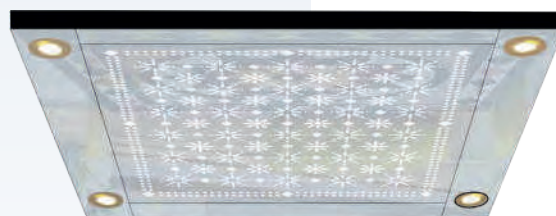
DL - PV017



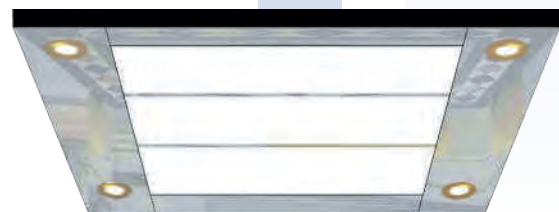
DL - PV018



DL - PV019



DL - PV020



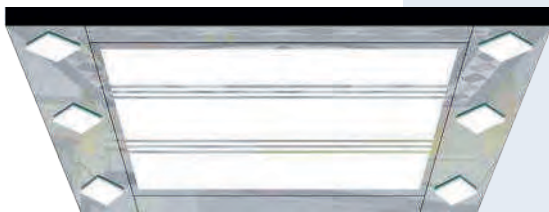
DL - PV021



DL - PV022

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

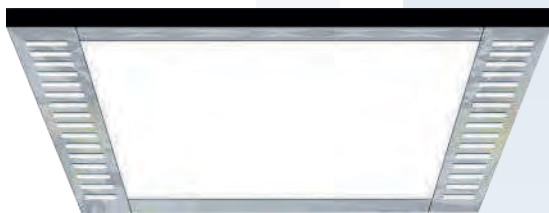
MẪU TRẦN GIẢ



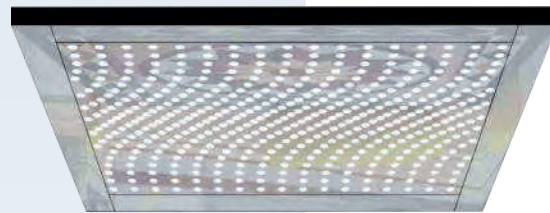
DL - PV023



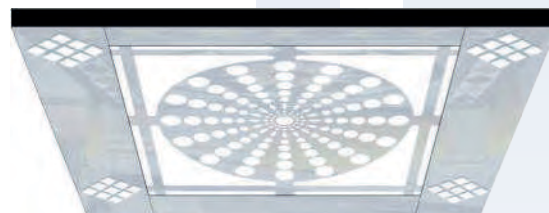
DL - PV024



DL - PV025



DL - PV026



DL - PV027



DL - PV028



DL - PV029



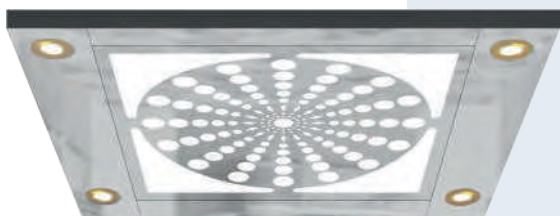
DL - PV030



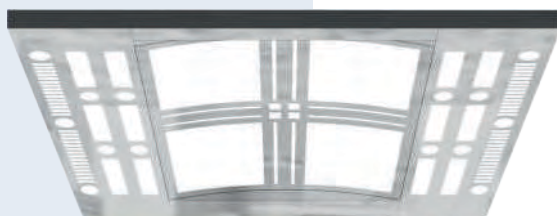
DL - PV031

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

MẪU TRẦN GIẢ



DL - PV032



DL - PV033



DL - PV034



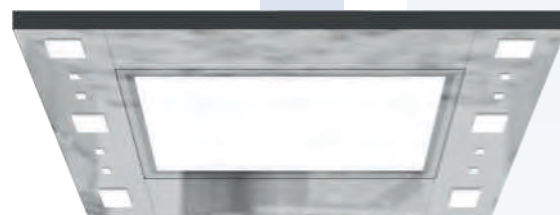
DL - PV035



DL - PV036



DL - PV037



DL - PV038



DL - PV039

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

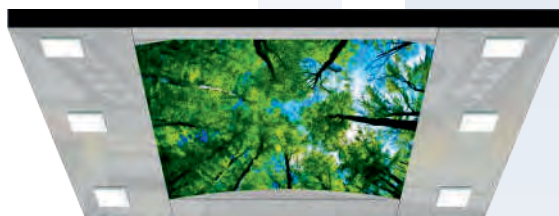
MẪU TRẦN GIẢ



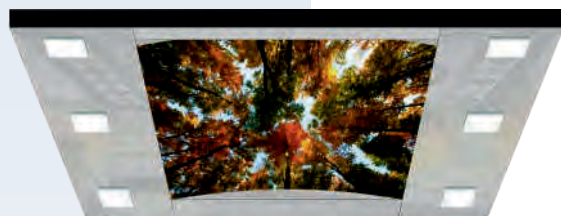
DL - PV040



DL - PV041



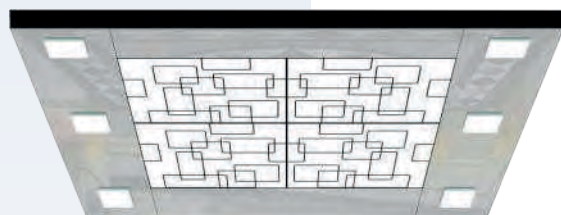
DL - PV042



DL - PV043



DL - PV044



DL - PV045



DL - PV046



DL - PV047

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng

MẪU TRẦN GIẢ DÁN DECAL

INOX GƯƠNG TRẮNG (SỌC TRẮNG)



DL - PV040



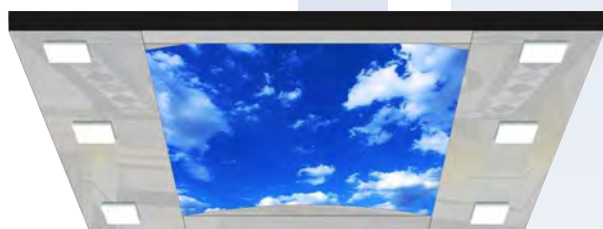
DL - PV041



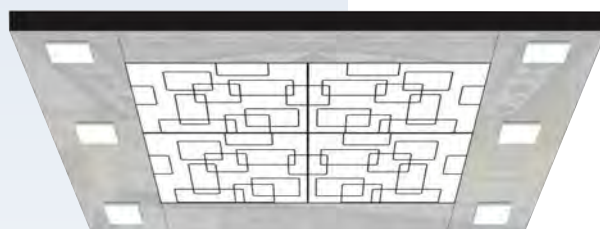
DL - PV042



DL - PV043



DL - PV044



DL - PV045



DL - PV046



DL - PV047

BUTTON CABIN *(Nút nhấn và hiển thị tùy chọn)*



DL - BT01



DL - BT02



DL - BT03



DL - BT04



DL - BT05

BUTTON CABIN

(Nút nhấn và hiển thị tùy chọn)



DL - BT06



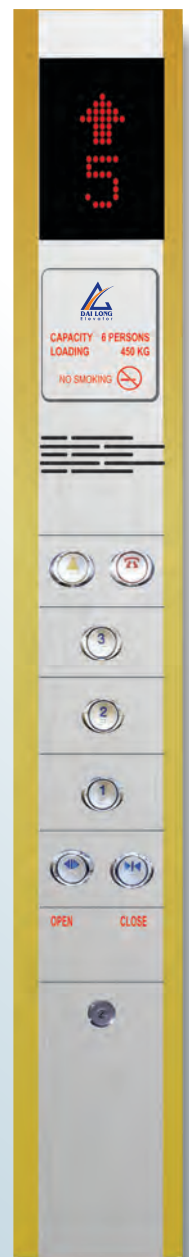
DL - BT07



DL - BT08



DL - BT09



DL - BT10

BUTTON CABIN VÀ TẦNG

(Nút nhấn được bao gồm theo mẫu nhập)



COP630



CEC260



COP08



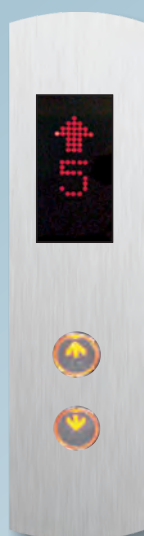
COP1020B

BUTTON TÀNG

(Nút nhấn và hiển thị tùy chọn)



DL - FB01



DL - FB02



DL - FB03



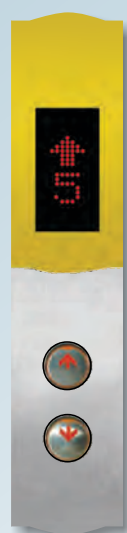
DL - FB04



DL - FB05



DL - FB06



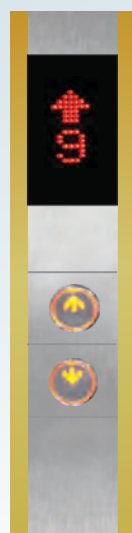
DL - FB07



DL - FB08



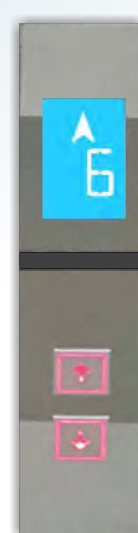
DL - FB09



DL - FB10



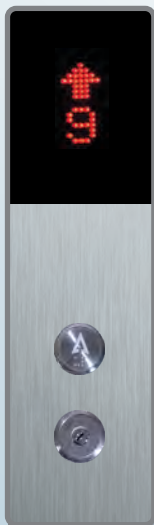
EH 1020B



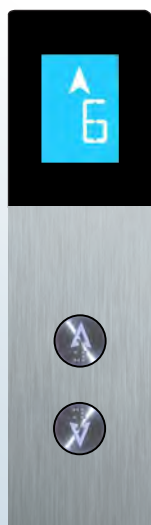
LOP08

BUTTON TẦNG KHÔNG HỘP ÂM

(Nút nhấn đồng bộ theo button)



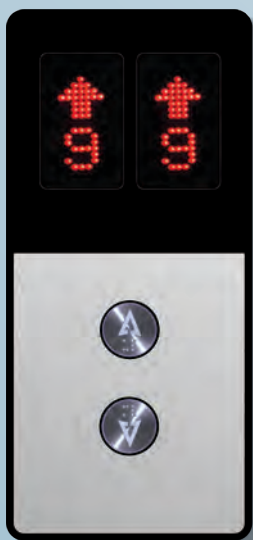
LSC260



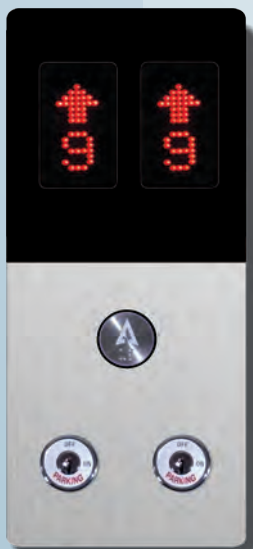
LSC260(LCD)



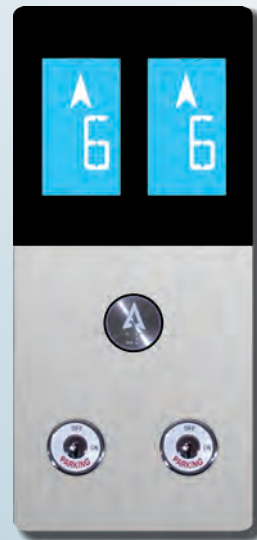
BXG262



Duplex BBG262



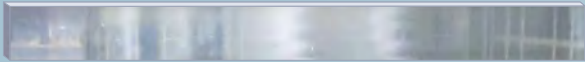
Duplex DSC260S



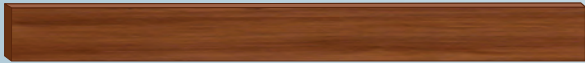
Duplex DSC260S
(LCD)

Chú ý:- Các Button tầng không hộp âm chỉ dùng được board Step và nút nhấn PB31
- Button tầng BXG262 dùng được board Step hoặc Nippon

MẪU TAY VỊN CABIN



DL - H001



DL - H002 (Laminate)



DL - H003



DL - H006 (gỗ)



DL - H003G



DL - H007 (gỗ)



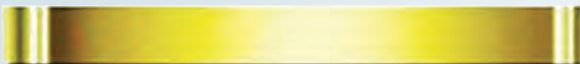
DL - 3H003



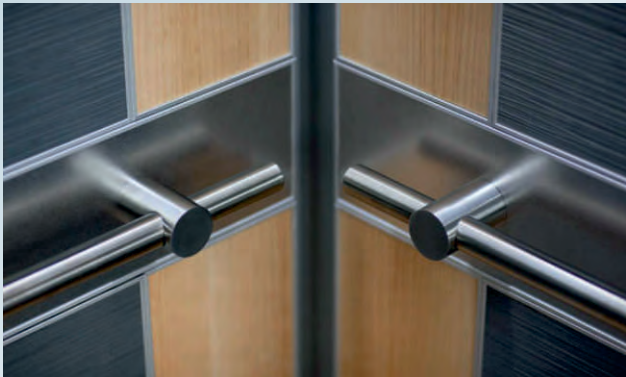
DL - H004



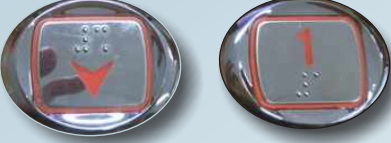
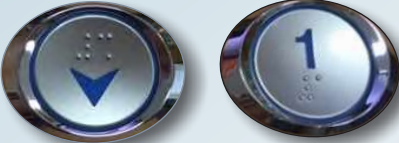
DL - 3H003G



DL - H004G

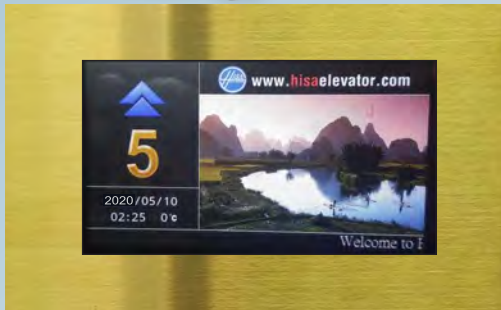


MẪU NÚT NHẤN

 VUÔNG TQ	 LA 3024	 3929
 VUÔNG BT3328S	 PB 31	 BQ
 MAN100	 BA 530	 BA 531
 OVAL EMR100	 OVAL TWS	 EB 111
 35CA-B	 35CCO	 EBR-01

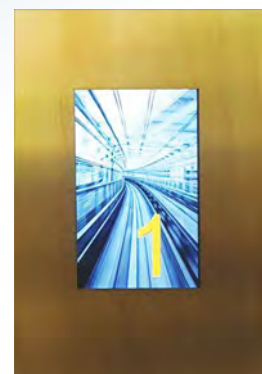
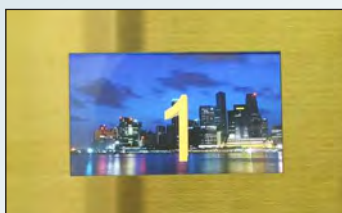
MẪU HIỂN THỊ LCD

HIỂN THỊ LCD CABIN



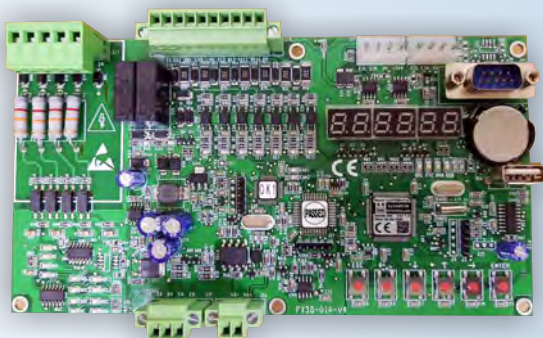
CFC-2402-P _ 7"

HIỂN THỊ LCD TẦNG



CFH-2401-P _ 4.3"

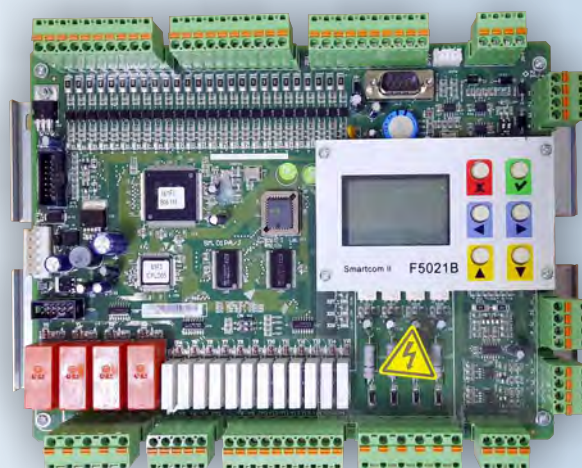
CÁC LOẠI HỆ ĐIỀU KHIỂN VÀ BIẾN TẦN (VVVF)



Bộ vi xử lý FX3G



PLC - Mitsubishi (Nhật Bản)



Bộ vi xử lý STEP F5021 (Loại thế hệ mới dùng cho thang tốc độ cao từ 80m/p trở lên)



VVVF: FUJI - JAPAN (Nhật Bản)
(Loại chuyên dùng cho thang máy)



VVVF: YASKAWA - JAPAN (Nhật Bản)
(Loại chuyên dùng cho thang máy)

Bộ điều khiển thang máy VVVF

Công suất: 3.7 - 37 KW

- Máy kéo có hộp số
- Máy kéo không hộp số
- Các chế độ hoạt động:
 - * Điều khiển từ thông vòng hở
 - * Điều khiển từ thông vòng kín
 - * Điều khiển động cơ servo
- Hoạt động với nguồn cung cấp DC (ắc quy) khi mất điện.

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



**TỦ ĐIỆN PLC FX3G + VVVF YASKAWA
(W600 X D300 X H1260)**



**TỦ ĐIỆN CAO PLC FX3G + VVVF FUJI
(W340 X D240 X H1800)**

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



**TỦ ĐIỆN BOARD STEP F5021 + VVVF FUJI
(W600 X D300 X H1260)**



**TỦ ĐIỆN STEP - THAILAND
(W700 X D350 X H1200)**

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



**TỦ ĐIỆN FUJI- MALAYSIA
(W600 X D330 X H1150)**



**TỦ ĐIỆN CAO FUJI- MALAYSIA
(W340 X D230 X H1720)**

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



TỦ ĐIỆN NIPPON - NICE 3000
(W540 X D240 X H1100)



TỦ CỨU HỘ (ARD) HISA SẢN XUẤT
(W400 X D210 X H630)

CÁC LOẠI MÁY KÉO



MGX75



MGX80

MÁY KÉO MONTANARI, SẢN XUẤT TẠI Ý



MGV25S



M73

MÁY KÉO FUJI SẢN XUẤT TẠI MALAYSIA



FJD1-B 3.0KW



FJD1-B 4.2KW - 8.0 KW

CÁC LOẠI MÁY KÉO

MÁY KÉO NIPPON SẢN XUẤT TẠI MALAYSIA



FJD1 3.0KW



FJD1 4.2KW - 8.0 KW

MÁY KÉO SHARP SẢN XUẤT TẠI ÁN ĐÔ



SEG05



SEG10/20

MÁY KÉO ZIEHL ABEGG, SẢN XUẤT TẠI ĐỨC



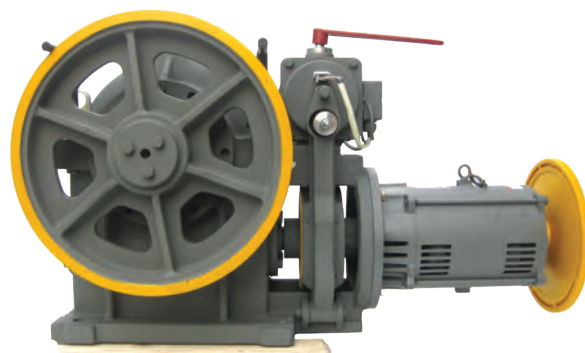
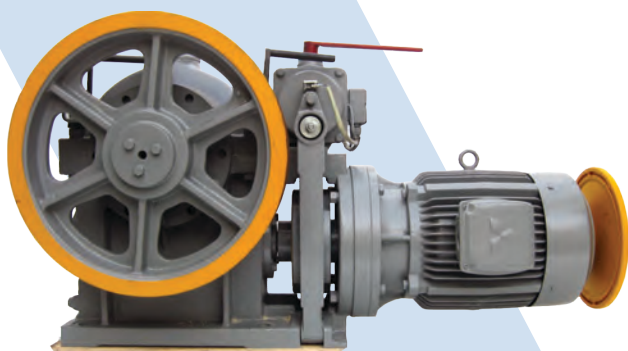
SM200.15C/20C/30C/40C



SM200.40D

CÁC LOẠI MÁY KÉO

MÁY KÉO MOTOR MITSUBISHI, SẢN XUẤT TẠI THÁI LAN



MÁY KÉO TORIN CÔNG NGHỆ MỸ, SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC



GTW7A



GTW9S



GTW10

MÁY KÉO KDS CÔNG NGHỆ MỸ, SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC



Capacity:
450Kg - 2000Kg 2:1

Elevator speed:
1,0m/s - 1,75m/s



Capacity:
320Kg - 1000Kg 2:1

Elevator speed:
0,63m/s - 1,75m/s

SERIES WJC

CÁC PHỤ KIỆN



Ty Treo cáp



**Cáp tải
6.5, 8, 10, 12, 16**



Xích bù



Giảm chấn đối trọng / Cabin



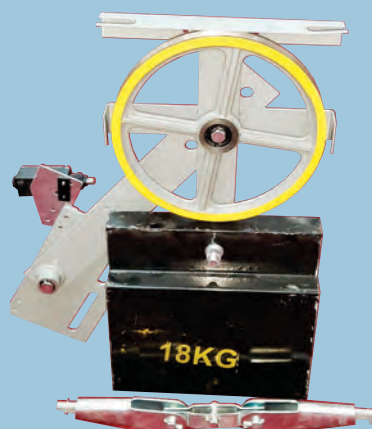
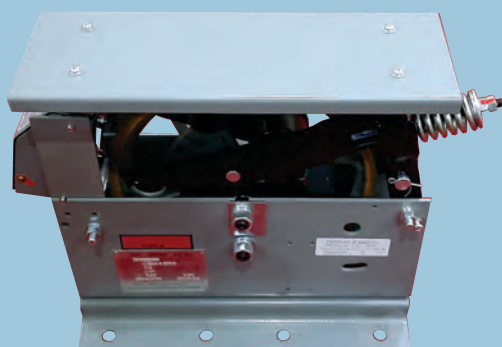
**Giảm chấn
khung chân máy kéo**



Giảm chấn sàn Cabin



Shoe dẫn hướng đối trọng / Cabin



Bộ chống vượt tốc (Governor)

CÁC CHỨC NĂNG VẬN HÀNH CỦA THANG MÁY ĐẠI LONG

CHỨC NĂNG	TÍNH NĂNG HOẠT ĐỘNG
Hệ Thống Điều Khiển Thang Máy	Điều khiển nhớ 2 chiều (lên và xuống), xử lý tín hiệu gọi tầng theo trình tự ưu tiên chiều đang hoạt động. Điều khiển nhóm: Hệ thống xử lý tín hiệu liên kết nhóm 2 thang hoặc 3 thang để tối ưu hóa việc đáp ứng các cuộc gọi về mặt thời gian chờ, năng suất phục vụ và điện năng tiêu thụ. Điều khiển ưu tiên: Cho phép vận hành bên trong phòng thang, các bảng gọi tầng mất tác dụng. Cửa tự động mở nhưng không tự động đóng lại. Dùng cho mục đích kiểm tra, đưa đón khách...vv Điều khiển chỉ định: Phòng thang sẽ tự động chạy về tầng chỉ định sau khi đã đáp ứng lệnh gọi sau cùng dừng chỗ ở đó với cửa đóng.
Hệ Thống Báo Quá Tải Trọng Cho Phép	Khi thang vượt quá tải trọng cho phép. Hệ thống báo quá tải sẽ kích hoạt cửa tự động mở ra (đối với cửa tự động) đồng thời bảng điều khiển hiển thị chữ OVL, còi báo quá tải sẽ kêu lên liên tục cho đến khi giảm tải đến dưới mức cho phép: Còi và đèn báo sẽ tắt và thang sẽ tiếp tục hoạt động bình thường.
Hệ Thống An Toàn Cửa	Hệ thống tế bào quang điện(mắt thần) là loại cao cấp (photocell:loại thanh dài, độ nhạy cao) không cho cửa đóng lại khi gặp vật cản cửa phòng thang sẽ mở ra đảm bảo an toàn cho hành khách.
Hệ Thống Đèn Báo Chiều - Báo Tầng - Chuông Dừng Tầng	Dùng đèn hiển thị kỹ thuật số (LED 7 đoạn và mũi tên) hoặc đèn matrix (ma trận điểm) hiển thị vị trí của phòng thang, hướng thang đang di chuyển và chuông điện tử trên đầu car báo hiệu mỗi khi thang dừng tầng.
Hệ Thống Tự Động Tắt Mở Đèn Quạt	Thang máy được lập trình tự động tắt đèn/ quạt trong car (cabin) sau khoảng thời gian 10 phút không sử dụng thang để tiết kiệm điện. Khi có lệnh gọi thang đèn/ quạt sẽ tự động sáng lại.
Hệ Thống Chuông Báo Cấp Cứu	Khi thang máy có sự cố, khách trong thang cần liên hệ với bộ phận trực bên ngoài chỉ cần ấn nút vào nút  để liên hệ với bộ phận trực có trách nhiệm sẽ xử lý đưa khách ra ngoài.
Hệ Thống Cứu Hộ Tự Động	Sử dụng khi mất điện đột xuất, thang máy sẽ tự động dừng ở tầng gần nhất và mở cửa cho khách ra ngoài. Nguồn điện ắc quy dự trữ sẽ tự động nạp lại khi có điện.
Hệ thống Cứu hộ Khi có cháy	Khi tín hiệu báo cháy được kích hoạt, thang sẽ tự động di chuyển đến tầng mặc định là tầng trệt dừng lại và mở cửa cho khách ra ngoài. Tầng mặc định có thể cài đặt tùy yêu cầu thực tế

CHẤT LƯỢNG - UY TÍN - HIỆU QUẢ - KINH TẾ

